TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2018/DS-ST
Ngày: 10/10/2018.
Về việc tranh hợp đồng thuê xe.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Lê Thị Thanh H

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Phương– Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng thuê xe theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 404/2018/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 349/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ M; địa chỉ: Số M đường TL, khu phố C, phường T, Quận H, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sản Xuất - Thương mại - Dịch vụ M) (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đại S; địa chỉ: Số N đường H7, Phường S,quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng thương mại cổ phần K; địa chỉ trụ sở: Số M phố B, phường L, quận H, TP. Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Tầng N, số C đường T, phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Cẩm H - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng N, số C đường T, phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Văn bản ủy quyền số 1747/2018/UQ-TCB ngày 19/9/2018 – Thay thế văn bản ủy quyền ngày 16/11/2016, người được ủy quyền là ông Phan Văn H)(có mặt).

2. Bà Lê Thị L- Chủ hộ kinh doanh: Thuê xe ô tô H; địa chỉ: Số B đường Xuân H, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/12/2015, các đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 12/7/2016 và ngày 23/4/2018; các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ngày 24/3/2015 ông Nguyễn Đại S có liên hệ với bà để thuê chiếc xe ô tô Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21, bà đồng ý và hai bên đã ký kết Hợp đồng thuê xe ngày 25/3/2015. Ban đầu Hợp đồng được lập theo mẫu Hợp đồng thuê xe của Hộ kinh doanh: Thuê xe ô tô H (Sau đây được viết tắt là Hộ KD H), theo Hợp đồng này thì bên cho thuê xe là bà Nguyễn Thị M còn bên thuê xe là Hộ KD H do ông S ký. Sau khi ký Hợp đồng bà nhận thấy chủ thể trên Hợp đồng không đúng vì chiếc xe là của Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ M (sau đây được viết tắt là Công ty M) bà chỉ là người đại diện pháp luật của Công ty và ông S cũng không phải là chủ hộ KD H mà chỉ là nhân viên, nên hai bên thống nhất ký lại Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015 (Sau đây được viết tắt là Hợp đồng) và thay đổi lại bên cho thuê xe là Công ty M và bên thuê xe là ông Nguyễn Đại S, theo nội dung Hợp đồng ông S thuê chiếc xe ô tô Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21, màu xe: Ghi xám, sản xuất năm 2014, số khung: RLO5SUHAMEJR21544, số máy: WLAT1387203; Chứng nhận đăng ký xe số: 180906 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2014, Công ty M đứng tên chủ sở hữu; thời hạn thuê xe từ ngày 24/3/2015 đến ngày 20/4/2015, giá thuê: 16.000.000 đồng. Trên xe có gắn một thiết bị định vị quan sát từ xa, ông S đã nhận xe theo biên bản giao nhận xe số 01/BBGNX ngày 24/3/2015. Ông S đã trả đủ cho Công ty số tiền thuê xe là 16.000.000 đồng theo Hợp đồng và 15.000.000 đồng tiền đặt cọc thuê xe. Bà không biết bà H là ai, Công ty không cho bà Nguyễn Thị H thuê xe, không có sự việc bà đồng ý cho bà H gia hạn thuê xe và cũng không nhận thêm khoản tiền cho thuê xe 13.700.000 đồng như lời ông S trình bày.

Do hết thời hạn thuê xe nhưng ông S không trả xe nên ngày 11/12/2015 Công ty M khởi kiện yêu cầu ông S bồi thường thiệt hại về trị giá xe với số tiền 920.000.000 đồng, đây là số tiền ước tính tương ứng với các khoản thiệt hại tài sản gắn liền với xe vào thời điểm khởi kiện, bao gồm các trang thiết bị theo xe,

phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, lệ phí trước bạ, biển số xe và tiền lãi, bà đã trình bày các khoản bồi thường tại bản khai ngày 11/01/2016 và có liệt kê lại tại đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 12/7/2016. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, đối với các khoản tiền yêu cầu bồi thường do nhớ không chính xác nên có sự nhầm lẫn, sai sót nhỏ về số tiền yêu cầu khi trình bày nên có chênh lệch không đáng kể về số liệu so với số tiền ước tính yêu cầu bồi thường tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2015. Tại bản khai ngày 23/4/2018 Công ty M đã căn cứ các chứng từ, hóa đơn xác định lại các khoản yêu cầu bồi thường, cụ thể như sau: Giá trị xe: 795.000.000 đồng; Phí kiểm định: 340.000 đồng; Lệ phí trước bạ: 82.900.000 đồng; Bảo hiểm vật chất là 10.335.600 đồng; Trị giá các trang thiết bị theo xe: 18.502.000 đồng. Trong đó màn hình Sony 8.400.000 đồng; thiết bị dẫn đường 4.000.000 đồng; Camera 900.000 đồng; màn hình gối đầu 3.520.000 đồng; thuế giá trị gia tăng các mặt hàng trên là 1.682.000 đồng; Camera hành trình: 5.500.000 đồng, trong đó Camera là 5.000.000 đồng và thuế giá trị gia tăng là 500.000 đồng; Thiết bị định vị: 3.080.000 đồng, trong đó thiết bị 2.800.000 đồng và thuế giá trị gia tăng là 280.000 đồng; Biển số xe: 1.000.000 đồng; Lót sàn xe +bọc trần: 2.200.000 đồng. Đối với các khoản yêu cầu bồi thường trên, nay bà chỉ yêu cầu ông S bồi thường giá trị chiếc xe, thiết bị định vị và bồi thường tiền thuê xe bị thiệt hại do ông S không trả xe mà bà đã trình bày ở đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/4/2018. Bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản bồi thường về giá trị các trang thiết bị gắn trên xe tổng số tiền 18.502.000 đồng; Phí kiểm định 340.000 đồng; Lệ phí trước bạ: 82.900.000 đồng; bảo hiểm vật chất là 10.335.600 đồng và tiền lãi trước đây Công ty tạm tính là 279.176.781 đồng.

Trị giá chiếc xe vào thời điểm năm 2014 Công ty mua là 795.000.000 đồng. Công ty đã vay Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 500.000.000 đồng để bù đắp vào vốn mua xe và theo Hợp đồng tín dụng số 70249/HĐCV-PN/TCB-NOH ngày 04/7/2014, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 12,14%/năm. Công ty đã thế chấp chiếc ô tô trên để đảm bảo cho khoản vay và đến nay vẫn chưa trả xong nợ cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung về bồi thường tiền thuê xe bị thiệt hại tính từ ngày hết hạn trả xe đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng thời yêu cầu Hộ KD H cùng ông S có trách nhiệm liên đới trong việc bồi thường. Tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2015 Công ty chưa yêu cầu khoản bồi thường này nên Công ty đã có khởi kiện bổ sung ngày 12/7/2016. Tuy nhiên, Công ty không trình bày rõ số tiền yêu cầu bồi thường tiền thuê xe bị thiệt hại ở trong đơn là vì không được hướng dẫn để trình bày nên không phải lỗi của Công ty. Do trước đây tại Tòa án cấp sơ thẩm Công ty chưa trình bày rõ số tiền thuê xe bị thiệt hại yêu cầu bồi thường, nên đến ngày 23/4/2018 Công ty M có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu rõ khoản bồi thường tiền thuê xe Công ty bị thiệt hại do ông S không trả xe từ ngày 20/4/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Như vậy, đến ngày 10/10/2018 là 41 tháng, mỗi tháng 18.000.000 đồng, tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 738.000.000 đồng.

Công ty có nhận được thông báo đóng tiền tạm ứng án phí của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 23/4/2018. Công ty không có ý kiến đối với thông báo đóng tạm ứng án phí này. Tuy nhiên, do hiện nay Công ty đang khó khăn không có khả năng đóng số tiền tạm ứng án phí theo nội dung thông báo của Tòa. Mặt khác, Công ty không biết yêu cầu này khi xét xử có được Tòa án chấp nhận hay không trong khi đó ông S gây ra thiệt hại cho Công ty thì cố tình lẩn tránh không hợp tác đến Tòa giải quyết vụ kiện. Bà M đề nghị Tòa xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung cho Công ty. Trường hợp khi xét xử Tòa phán quyết Công ty phải chịu án phí thì Công ty sẽ chấp nhận. Bà hiểu rõ về nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung mà Tòa án đã giải thích, nhưng bà vẫn giữ ý kiến và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết bảo vệ quyền lợi cho Công ty M.

Nay Công ty M yêu cầu ông Nguyễn Đại S và bà Lê Thị L - Chủ hộ kinh doanh: Thuê xe ô tô H liên đới cùng chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty tổng số tiền là 742.800.000 đồng, trong đó giá trị chiếc xe ô tô Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21 theo kết quả định giá của Hội đồng định giá là 740.000.000 đồng; Thiết bị định vị theo hóa đơn bao gồm cả thuế VAT là 3.080.000 đồng khi mua, bà ước tính và trừ khấu hao từ thời điểm mua thiết bị định vị gắn vào xe cho thuê cho đến ngày hết hạn thuê theo Hợp đồng thì giá trị còn lại của thiết bị định vị yêu cầu bồi thường là 2.800.000 đồng.Tiền thuê xe bị thiệt hại tính từ ngày 20/4/2015 đến ngày 10/10/2018 là 41 tháng x18.000.000 đồng = 738.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông S phải chịu khoản chi phí định giá 2.000.000 đồng bà đã tạm nộp cho Tòa án.

Đối với số tiền cọc thuê xe 15.000.000 đồng Công ty đã nhận của ông Sang, trước đây Công ty có trình bày sẽ trừ số tiền cọc này cho ông S khi ông S thực hiện bồi thường thiệt hại. Nay Công ty thay đổi ý kiến, không đồng ý trừ tiền cọc cho ông S do không hợp tác đến tòa để giải quyết vụ kiện. Trong vụ kiện này Công ty M và ông S đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền cọc 15.000.000 đồng. Do đó, bà yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

Bà M đề nghị Tòa án không đưa ông Nguyễn Quỳnh L(chồng bà M) và bà Nguyễn Thị H tham gia vụ kiện vì bà cho rằng việc đưa ông Lâm làm chứng trong vụ kiện là không cần thiết. Bà M cũng không biết bà H là ai và Công ty không giao dịch với bà H do đó không cần thiết đưa bà H vào tham gia vụ kiện, tránh kéo dài vụ kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Đại S vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 01/11/2016, các bản tường trình, biên bản đối chất và biên bản hòa giải trong quá trình làm việc tại tòa án ông Nguyễn Đại S trình bày như sau:

Ông S là nhân viên làm việc cho Hộ KD H. Vào ngày 24/3/2015 ông có liên hệ với bà Nguyễn Thị M thuê chiếc xe ô tô Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21 của bà M . Hai bên có lập Hợp đồng thuê xe ngày 25/3/2015, theo mẫu Hợp đồng thuê xe của hộ KD H đã đóng dấu sẵn (mẫu HĐ ông được hộ KD H tin tưởng giao trong thời gian làm việc) để giao dịch với bà

M , nhưng thực chất ông là người đứng ra thuê chiếc xe ô tô trên và đã thanh toán tiền thuê xe là 16.000.000 đồng. Sau khi nhận xe ông đã cho bà Nguyễn Thị H thuê lại với giá 17.600.000 đồng, hết hạn Hợp đồng bà H không trả xe nên ông không có xe để trả cho bà M. Do xe bị mất nên ngày 15/5/2015 bà M và ông ký lại Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015 và thay đổi bên cho thuê xe là Công ty M và bên thuê xe là cá nhân của ông, Hợp đồng giao nhận xe lập vào ngày 24/3/2015 và Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015 do bà M ép ông ký vào ngày 15/5/2018 để ràng buộc trách nhiệm đối với ông. Ngày 07/5/2015 bà M yêu cầu ông trả tiền thuê xe ông đã trả cho bà M số tiền 13.700.000 đồng. Ngày 25/3/2015 bà H có gọi cho ông xin gia hạn Hợp đồng thuê xe hết một tháng là đến ngày 24/4/2018, ông đã báo cho bà M việc bà H xin gia hạn trên và được bà M đồng ý với giá thuê là 18.000.000 đồng. Khi hết một tháng bà H tiếp tục xin gia hạn đến ngày 9/5/2015 nhưng đến hạn bà H vẫn không trả xe. Việc bà H không trả xe ông đã trình báo Cơ quan Điều tra, Công an Quận 1, TP. HCM, ông muốn chờ kết quả giải quyết của Công an Điều tra Quận 1, TP.HCM, ông xác định ông chỉ là người nhận giúp xe cho khách của bà M là bà Hà, cá nhân ông và Hộ KD H không liên quan. Do đó, ông không đồng ý bồi thường.

Tại bản tường trình ngày 01/12/2016 ông Nguyễn Đại S có ý kiến đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng thuê xe giữa ông và bà M là vô hiệu, bác đơn khởi kiện của bà M , yêu cầu bà M có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền thuê xe mà ông đã phải đứng ra để thanh toán cho hộ KD H liên quan đến Hợp đồng thuê xe Kia Morning gồm: tiền thuê xe theo hợp đồng: 4.500.000 đồng; tiền thuê xe trong thời gian bà M chiếm giữ xe từ ngày 17/5/2015 đến ngày 25/5/2015 là 4.000.000 đồng; Số tiền mà ông phải trả cho H khi bị công an quận 12 giữ xe tới ngày trả 26/7/2015 là 30.000.000 đồng. Tổng cộng tiền số tiền yêu cầu bà M phải trả là 38.500.000 đồng.

Ngân hàng TMCP K (Sau đây được viết tắt là Ngân hàng) Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Những người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:

Tại bản khai và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/9/2017 ông Phan Văn H đại diện cho Ngân hàng trình bày, ngày 04/7/2014 Công ty M có vay Ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 70249/HĐCV-PN/TCB-NOH ngày 04/7/2014. Đảm bảo khoản vay công ty đã thế chấp chiếc xe ô tô Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21 cho Ngân hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty M vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 16/11/2016 Công ty M còn nợ Ngân hàng 371.494.000 đồng, trong đó nợ gốc là 312.949.000 đồng và nợ lãi là 59.000.000 đồng. Ngày 20/12/2016 Ngân hàng có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Công ty M trả khoản nợ trên cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty không thanh toán thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản thế chấp không đủ thu hồi nợ thì Công ty phải tiếp tục thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhận được thông báo đóng

tạm ứng án phí của Tòa án, nhưng do bận việc nên ông quên thời gian phải đóng tạm ứng án phí. Đối với khoản nợ vay của Công ty M Ngân hàng không có ý kiến gì. Ngân hàng khởi kiện bằng một vụ kiện khác nếu có tranh chấp.

Tại phiên Tòa bà Võ Thị Cẩm H đại diện cho Ngân hàng trình bày: Ngân hàng có đơn cầu độc lập ngày 20/12/2016 yêu cầu Công ty M thanh toán khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 70249/HĐCV-PN/TCB-NOH ngày 04/7/2014. Tạm tính đến ngày 10/10/2018 Công ty M còn nợ Ngân hàng số tiền 468.957.886 đồng, trong đó nợ gốc là 312.494.000 đồng và nợ lãi là 156.463.886 đồng, bà H xác nhận Ngân hàng đã nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án đối với yêu cầu độc lập trên, đến nay Ngân hàng chưa nộp tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Bà Lê Thị L– Chủ hộ kinh doanh: Thuê xe ô tô H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện và vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản trình bày ý kiến ngày 24/8/2018 và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 24/8/2018 bà L trình bày:

Trong vụ kiện tranh chấp Hợp đồng thuê xe giữa Công ty M với ông Nguyễn Đại S cá nhân bà và Hộ KD H không liên quan. Hộ KD H không thuê chiếc xe ô tô Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21 của Công ty M và cũng không cho bà Nguyễn Thị H thuê lại chiếc xe trên. Đối với Hợp đồng thuê xe và biên bản giao nhận xe ông S lập với bà H (Bản photo) bà nhận thấy nội dung hai Hợp đồng là do ông S và bà H xác lập. Thực tế hai bên có giao dịch việc thuê xe với nhau hay không bà không biết. Do Hộ KD H không lập các Hợp đồng trên nên không lưu giữ bản chính nào của các Hợp đồng và cũng không biết việc ông S và bà H có lập các Hợp đồng thuê xe và giao nhận xe trên hay không. Bà L đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 693/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 và quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 2346/2017/QĐ-SCBSBA ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty M buộc ông Nguyễn Đại S bồi thường cho Công ty số tiền 740.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M đối với yêu cầu bồi thường giá trị các trang thiết bị theo xe, biển số xe, lệ phí trước bạ, bảo hiểm vật chất, lệ phí đăng kiểm và tiền lãi Ngân hàng với tổng số tiền yêu cầu là 403.033.781 đồng.

Ngày 09/10/2017 Công ty M đã kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 693/2017/DS-ST ngày 28/9/2017. Bản án dân sự phúc thẩm số 197/2018/DS-PT ngày 06/02/2018 nhận định ông S là người thuê xe ô tô hiệu Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21 của Công ty M, theo Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015. Như vậy, quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ Hợp đồng thuê xe. Do Tòa sơ thẩm chưa xem xét yêu cầu của nguyên về tiền thuê xe từ thời điểm thuê xe đến thời điểm bồi thường là chưa xem xét đầy đủ các yêu cầu của nguyên đơn trong khi nguyên đơn đã có

yêu cầu này tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/7/2016. Để đảm bảo hai cấp xét xử cần phải xử cần phải hủy án giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi thụ lý lại vụ án Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản của Tòa án cho bị đơn ông Nguyễn Đại S; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP K và bà Lê Thị L– Chủ hộ KD H đến Tòa để giải quyết vụ kiện. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong các buổi mời làm việc tại Tòa án và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã gửi thông báo kết quả các phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng và những tài liệu, chứng cứ đương sự đã biết) cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa.

Bà M là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vẫn giữ ý kiến đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu bồi thường giá trị các trang thiết bị theo xe, biển số xe, phí kiểm định, bảo hiểm vật chất, lệ phí trước bạ, lãi suất. Yêu cầu ông Nguyễn Đại S và Bà Lê Thị L -Chủ hộ KD H chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty M trị giá xe ô tô Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21 là 740.000.000 đồng, thiết bị định vị là 2.800.000 đồng; bồi thường thiệt hại tiền thuê xe tính từ ngày 25/4/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (10/10/2018) là 738.000.000 đồng và yêu cầu ông S phải chịu số tiền chi phí định giá 2.000.000 đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đại S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP K, bà H trình bày, tạm tính đến ngày 10/10/2018 Công ty M nợ Ngân hàng số tiền 468.957.886 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 70249/HĐCV-PN/TCB-NOH ngày 04/7/2014. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị L- Chủ hộ KD: Thuê xe ô tô H vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Đây là tranh chấp Hợp đồng thuê xe quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và 71. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và 72 và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại điều 70,73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường trị giá chiếc xe ô tô 740.000.000 đồng, thiết bị định vị 2.800.000 đồng. Không xét yêu cầu của nguyên đơn bồi thường tiền thuê xe bị thiệt hại do ông S không trả xe, số tiền là 738.000.000 đồng

Không xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP K đối với Công ty M về số nợ tạm tính đến ngày 10/10/2018 là 468.957.886 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút đối với bị đơn về các khoản bồi thường trị giá tài sản gắn liền với xe, biển số xe, tiền lãi, phí kiểm định, lệ phí trước bạ, phí bảo hiểm.

Về chi phí định giá: Ông S phải chịu 2.000.000 đồng, do Công ty M đã tạm nộp nên ông S phải hoàn lại cho Công ty M là 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ M có đơn khởi yêu cầu ông S bồi thường thiệt hại phát sinh theo Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015. Đây là tranh chấp hợp đồng thuê xe và ông S có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Đại S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L– Chủ hộ KD H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L–Chủ hộ KD H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ông Nguyễn Đại S và bà Lê Thị L– Chủ hộ KD: Thuê xe H cùng liên đới bồi thường thiệt hại trị giá chiếc xe ô tô Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21, trị giá các trang thiết theo xe, biển số xe, phi kiểm định, phí bảo hiểm, lệ phí trước bạ, tiền lãi Ngân hàng và tiền thuê xe bị thiệt hại do bị đơn không trả xe.

Căn cứ vào Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bà M và ông S ban đầu giao dịch lập Hợp đồng thuê xe theo mẫu của hộ KD H, bên cho thuê xe là bà Nguyễn Thị M còn bên thuê xe là Hộ KD H do ông S ký tên nhưng thực chất ông S mới là người thuê xe, ông S đã sử dụng mẫu Hợp đồng thuê xe trên của Hộ KD H (đã đóng dấu sẵn) để lập Hợp đồng thuê xe với bà M mà không thông qua chủ hộ. Mặt khác, chiếc xe ô tô cho thuê là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty M, không phải tài sản của cá nhân bà M , do bà M nhận thấy Hợp đồng trên không đúng về chủ thể và Hợp đồng chưa đầy đủ nên hai bên đã thống nhất lập lại Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015, nội dung Hợp đồng không thay đổi, chỉ thay đổi bên cho thuê xe là Công ty M và bên thuê xe là ông Nguyễn Đại S.Theo nội dung Hợp đồng hai bên thỏa thuận Công ty M cho ông Nguyễn Đại S thuê chiếc xe ô tô Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21, màu xe: Ghi xám, sản xuất năm 2014, số khung: RLO5SUHAMEJR21544, số máy: WLAT1387203; Chứng nhận đăng ký xe số: 180906 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2014, Công ty M đứng tên chủ sở hữu; thời hạn thuê xe từ ngày 24/3/2015 đến ngày 20/4/2015, giá thuê: 16.000.000 đồng. Ông S đã nhận xe theo biên bản giao xe số 01/BBGNX ngày 24/3/2015 và đã thanh toán đủ tiền thuê xe theo Hợp đồng.

Việc ông S trình bày ngày 15/5/2015 khi bà M biết mất xe mới đưa Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015 và biên bản giao nhận xe số 01/BBGNX ngày 24/3/2015 ép ông ký và cho rằng ông chỉ là người nhận xe giúp cho khách hàng của bà M , bà M cũng là người quyết định việc gia hạn thuê xe đối với bà Hà, cá nhân ông và Hộ KD H không liên quan. Tuy nhiên, lời trình bày của ông không được bà M thừa nhận, ông S không có chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình, ông có cung cấp cho Tòa những bản photo thể hiện nội dung ông S và bà M trao đổi tin nhắn qua lại liên quan đến việc cung cấp thông tin bà H khi ông và bà M tìm chiếc xe trên không đủ cơ sở các để chứng minh cho việc ông bị ép ký vào Hợp đồng thuê xe và ông chỉ là người nhận xe giúp. Mặt khác, trong quá trình làm việc tại Tòa án ông đã thừa nhận ông là người thuê xe chứ không phải Hộ KD H, sau khi nhận xe ông đã cho bà H thuê lại, do bà H không trả xe nên ông không có xe trả cho bà M và thừa nhận ông có ký Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015 và biên bản giao nhận xe số 01/BBGNX ngày 24/3/2015. Như vậy, đủ cơ sở để xác định ông S là người đã thuê chiếc xe ô tô Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21 của Công ty Mai, ông S đã không trả xe thuê đúng hạn theo thỏa thuận của Hợp

đồng đã gây thiệt hại về tài sản cho Công ty M, do đó Công ty yêu cầu bồi thường là có cơ sở.

[3.2] Về trị giá chiếc xe Công ty M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này, ban đầu Công ty yêu cầu bồi thường trị giá xe là 795.000.000 đồng, Công ty đã xác định lại yêu cầu bồi thường trị giá chiếc xe trên theo kết quả định giá là 740.000.000 đồng. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trên của Công ty M có lợi cho bị đơn, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên chấp nhận. Về yêu cầu bồi thường trị giá thiết bị định vị 2.800.000 đồng. Tại biên bản ngày 13/6/2017 ông S thừa nhận ông hướng dẫn bà M cho thuê thì phải có định vị để kiểm soát hành trình của xe và hướng dẫn bà M đi gắn và bà M mang xe gắn thiết bị định vị khi cho thuê, đồng thời bà M giao cho ông tài khoản định vị để ông theo dõi hành trình đi lại của chiếc xe. Như vậy, lời thừa nhận của ông S đủ cơ sở để xác định khi ông S nhận xe thì trên xe có gắn thiết bị định vị, theo hóa đơn mua hàng ngày 24/3/2015 thể hiện thiết bị định giá 2.800.000 đồng và thuế giá trị gia tăng là 280.000 đồng, tổng cộng là 3.080.000 đồng. Bà M gắn thiết bị vào thời điểm cho thuê, tính đến ngày ông S không trả xe gần 01 tháng nên bà M ước tính trừ khấu hao và chỉ yêu cầu bồi thường 2,800.000 đồng là có cơ sở.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M buộc ông Nguyễn Đại S bồi thường cho Công ty M tổng số tiền là 742.800.000 đồng, trong đó giá trị chiếc xe Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21 là 740.000.000 đồng và thiết bị định vị là 2.800.000 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Lê Thị L–Chủ hộ KD H cùng chịu trách nhiệm liên đới cùng với ông S bồi thường thiệt hại cho Công ty. Nhận thấy Công ty M khởi kiện trên cơ sở Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015 và biên bản giao nhận xe số 01/BBGNX ngày 24/3/2015 do Công ty M và ông S ký kết và bà cũng xác định do Hợp đồng ban đầu lập giữa bên cho thuê là bà M và bên thuê là Hộ KD H do ông S ký là không đúng về chủ thể và chưa đầy đủ nên Công ty M và ông S đã lập lại hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015. Do đó tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng thuê xe giữa Công ty M và ông Nguyễn Đại S. Bà M căn cứ vào bản photo Hợp đồng thuê xe giữa ông S và bà Nguyễn Thị Hký kết, trên Hợp đồng có thể hiện bên cho thuê xe là Hộ KD H và bên thuê xe là bà H để cho rằng hộ KD H đã sử dụng chiếc xe ô tô trên cho bà H thuê và vào thời điểm thuê xe ông S là nhân viên của Hộ KD H nên yêu cầu bà L -chủ hộ KD H chịu trách nhiệm liên đới bồi thường là không có cơ sở. Mặt khác, bà L xác định cá nhân bà cũng như Hộ KD H không thuê xe của Công ty M và không sử dụng xe của Công ty M cho bà H thuê . Ngoài lời trình bày và hai bản photo trên thì bà M không cung cấp được chứng cứ gì khác, do đó Công ty M yêu cầu bà L – Chủ hộ KD H liên đới bồi thường là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Công ty M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản bồi thường sau: Phí kiểm định: 340.000 đồng; Lệ phí trước bạ: 82.900.000 đồng; Bảo hiểm vật chất là 10.335.600 đồng; Giá trị các thiết bị theo xe: 18.502.000 đồng. Trong đó màn hình Sony 8.400.000 đồng; thiết bị dẫn đường 4.000.000 đồng; Camera 900.000 đồng; màn hình gối đầu 3.520.000 đồng; thuế giá trị gia tăng các mặt hàng trên là 1.682.000 đồng; Camera hành trình: 5.500.000 đồng, trong đó Camera là 5.000.000 đồng và thuế giá trị gia tăng là 500.000 đồng; Biển số xe: 1.000.000 đồng; Lót sàn xe +bọc trần: 2.200.000 đồng; Tiền lãi (trước đây Công ty tạm tính từ ngày hết hạn hợp đồng 20/4/2015 đến ngày 28/9/2018 là 279.176.781 đồng). Xét thấy việc rút yêu cầu của Công ty M là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút này, nếu sau này có khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3.5] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung về bồi thường khoản tiền thuê xe bị thiệt hại do ông S không trả xe, Công ty M có nộp đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 23/4/2018. Yêu cầu bồi thường thuê xe bị thiệt hại do ông S không trả xe mỗi tháng 18.000.000 đồng, tính đến ngày 10/10/2018 là 41 tháng (làm tròn) với số tiền là 738.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ kiện bà M thừa nhận tại đơn khởi kiện Công ty chưa có yêu cầu khoản bồi thường này và yêu cầu khởi kiện bổ sung này bà cũng chưa nộp tạm ứng án phí. Ngày 26/4/2018 Tòa án đã ban hành thông báo đóng tạm ứng án phí đối với yêu cầu trên. Tuy nhiên, sau khi nhận thông báo Công ty M không đóng tạm ứng án phí và nộp biên lai thu tạm ứng án phí cho Tòa.Tòa án đã giải thích nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung nhưng Công ty vẫn không đóng. Do Công ty M không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng Công ty không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không xét yêu cầu khởi kiện bổ sung về bồi thường khoản tiền thuê xe bị thiệt hại 738.000.000 đồng của Công ty M. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho Công ty M khi có yêu cầu.

[3.6] Đối với lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Đại S tại bản tường trình ngày 01/12/2016, ông Nguyên Đại Sang có ý kiến đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng thuê xe giữa ông và bà M là vô hiệu cầu khởi kiện của bà M và yêu cầu bà M có trách nhiệm trả lại cho tôi số tiền thuê xe mà ông đã phải đứng ra để thanh toán cho Dịch vụ cho thuê xe H liên quan đến Hợp đồng thuê xe Kia Morning cụ thể; Số tiền thuê xe theo hợp đồng: 4.500.000 đồng; Số tiền thuê xe trong thời gian bà M chiếm giữ xe (từ ngày 17/5/2015 đến ngày 25/5/2015) là 8 ngày x 500.000 đồng/ngày = 4.000.000 đồng. Số tiền mà ông phải trả cho H khi bị công an quận 12 giữ xe tới ngày trả 26/7/2015 là 60 ngày x 500.000 đồng/ngày = 30.000.000 đồng. Tổng cộng thiền thuê xe mà bà M phải trả là 38.500.000 đồng.

Ngày 27/4/2018 Tòa án đã ban hành thông báo số 308/TB-TA với nội dung, *"Thông báo cho ông Nguyễn Đại S - bị đơn là trong trường hợp ông có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn trong vụ kiện thì làm đơn trình bày rõ nội dung và yêu cầu cụ thể đối với nguyên đơn, kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình gửi cho Tòa án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hoặc được tống đạt hợp lệ. Trường hợp cần gia hạn thì phải làm đơn nộp cho Tòa án ghi rõ lý do về việc gia hạn để Tòa án xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định"*. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông S thông báo trên. Hết thời hạn quy định nhưng ông S vẫn không nộp đơn yêu cầu phản tố cho Tòa án, do đó Hội đồng xét xử không xét.

[3.7] Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP K, Ngân hàng có đơn yêu cầu độc lập ngày 20/12/2016. Tại phiên Tòa bà H xác định tạm tính đến ngày 10/10/2018 Công ty M còn nợ Ngân hàng số tiền 468.957.886 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 70249/HĐCV-PN/TCB-NOH ngày 04/7/2014.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 658/TB-TA yêu cầu Ngân hàng nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập. Ông Hvà bà H là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng xác nhận đã nhận được thông báo đóng tạm ứng án phí nhưng chưa đóng tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa. Do Ngân hàng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng Ngân hàng không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử không xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng trong vụ kiện này. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho Ngân hàng TMCP K khi có yêu cầu.

[4] Về chi phí định giá:

Chi phí định giá là 2.000.000 đồng. Do yêu cầu bồi thường về trị giá thiệt hại của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nguyên đơn không phải nộp chi phí định giá. Bị đơn phải chịu chi phí định giá, nên bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí định giá 2.000.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp theo quy định tại Điều 165, Điều 166 của bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về bồi thường trị giá tài sản thiệt hại là 742.800.000 đồng được Tòa án chấp nhận, nên theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/12/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là 33.712.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.800.000 đồng theo biên lai thu số AB/2014/0006762 ngày 18/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 165, Điều 166, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 480, 482, 485, 487, 490 của Bộ luật Dân sự 2005, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 4 Điều 27 tại Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/12/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Đại S có trách nhiệm bồi thường cho Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ M số tiền 742.800.000 đồng, phát sinh từ Hợp đồng thuê xe số 01/2015-HĐTX ngày 25/3/2015, trong đó trị giá chiếc xe Ford Everest 07 chỗ, biển số kiểm soát 51A-820.21, Chứng nhận đăng ký xe số: 180906 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2014, do Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ M đứng tên chủ sở hữu là 740.000.000 đồng, thiết bị định vị là 2.800.000 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Lê Thị L– hủ hộ kinh doanh: Thuê xe ô tô H phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với ông Nguyễn Đại S bồi thường cho Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ M.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại mà nguyên đơn đã rút, cụ thể: Phí kiểm định: 340.000 đồng; Lệ phí trước bạ: 82.900.000 đồng; Bảo hiểm vật chất là 10.335.600 đồng; Trị giá các thiết bị theo xe: 18.502.000 đồng, trong đó màn hình Sony 8.400.000 đồng; thiết bị dẫn đường 4.000.000 đồng; Camera 900.000 đồng; màn hình gối đầu 3.520.000 đồng; thuế giá trị gia tăng các mặt hàng trên là 1.682.000 đồng; Camera hành trình: 5.500.000 đồng; Biển số xe: 1.000.000 đồng; Lót sàn xe +bọc trần: 2.200.000 đồng; Tiền lãi là 279.176.781 đồng. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ M về việc yêu cầu bị đơn bồi thường khoản tiền thuê xe bị thiệt hại, mỗi tháng 18.000.000 đồng, tính đến ngày 10/10/2018 là 41 tháng (làm tròn) với số tiền là 738.000.000 đồng. Hội đồng xét xử không xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ M khi có yêu cầu.

5. Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần K, về việc yêu cầu Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ M thanh toán khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 70249/HĐCV-PN/TCB-NOH ngày 04/7/2014, tạm tính đến ngày 10/10/2018 là 468.957.886 đồng, trong đó nợ gốc là 312.494.000 đồng và nợ lãi là 156.463.886 đồng. Hội đồng xét xử không xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho Ngân hàng thương mại cổ phần K khi có yêu cầu.

6. Về chi phí định giá:

Ông Nguyễn Đại S phải chịu chi phí định giá là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ông S hoàn lại cho Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ M số tiền tạm ứng chi phí định giá 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) mà Công ty đã nộp theo biên lai thu tiền ngày 09/8/2016 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đại S phải chịu án phí sơ thẩm là 33.712.000 đ. (Ba mươi ba triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng).

Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ M không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.800.000 đ (Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AB/2014/0006762 ngày 18/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

Lê Thị Thành Huế